

Nội dung bài viết

1. [Giải vở bài tập Tiếng Việt lớp 4 trang 68, 69: Chính tả](#)

Giải vở bài tập Tiếng Việt lớp 4 trang 68, 69: Chính tả

Câu 1: Viết tiếng có nghĩa vào bảng :

a) Những tiếng do các âm đầu **tr, ch** ghép với các vần ở hàng dọc tạo thành :

	tr	ch
ai	M: trai (em trai), trái (phải trái), trãi (trãi thảm), trại (cắm trại)	M: chai (cái chai), chài (chài lưới), chái (chái nhà), chải (chải đầu)
am		
an		
âu		
ăng		
ân		

Đặt câu với một trong những tiếng vừa tìm được.

b) Những tiếng do các vần **êt, êch** ghép với âm đầu ở hàng dọc tạo thành :

	êt	êch
b	M: bêt (dính bêt), bết (ng ẫ bết)	M: bệch (trắng bệch)
ch		
d		
h		
k		
l		

Đặt câu với một trong những tiếng vừa tìm được.

Trả lời:

a)

	tr	ch
ai	M: trai (em trai), trái (phải trái), trái (trái thắm), trại (cắm trại)	M: chai (cái chai), chài (chài lưới), chái (chái nhà), chải (chải đê)
am	tràm (cây tràm), trám (trám răng), trạm (trạm y tế), trảm (xử trảm)	chạm (va chạm), chàm (áo chàm)
an	tràn (tràn đầy), trán (v ãng trán)	chan (chan hòa), chán (chán chê), chạn (chạn gỗ)
âu	trâu (con trâu), tr ầu (tr ầu cau), trấu	châu (châu báu), ch ầu (ch ầu chực), chấu (châu chấu), chậu (chậu hoa)
ăng	trăng (v ãng trăng), trắng (trắng tinh)	chăng (chăng dây), chằng (chằng chịt), chẳng (chẳng c ần), chặng (chặng đường)
ân	trân (trân trọng), tr ần (tr ần nhà), trấn (thị trấn), trận (ra trận)	chân (đôi chân), chẵn (hội chẵn)

Đặt câu với một trong những tiếng vừa tìm được :

- Cuối tu ần này, trường em sẽ tổ chức cắm trại.

b)

	êt	êch
b	M: bêêt (dính bêêt), bệêt (ng ẫ bệêt)	M: bệch (trắng bệch)
ch	chêêt (chêêt đuối)	chệch (chệch choạn), chềch (chềch mác)
d	dệêt (dệêt kim)	
h	hêêt (hêêt hạn), hệêt (giống hệêt)	hệch (hệch hoác)
k	kêêt (kêêt quả)	kệch (kệch xù), kệch (kệch côm)
l	lêêt (lêêt bêêt)	lệch (lệch lạc)

Đặt câu với một trong những tiếng vừa tìm được.

- Đi được một lúc, cu Bin ng ẫ bệêt xuống đất vì mêêt.

Câu 2: Tìm những tiếng thích hợp điền vào chỗ trống để hoàn chỉnh mẩu chuyện dưới đây. Biết rằng, các ô số (1) chứa tiếng có âm đầu là **tr** hoặc **ch**, còn các ô số (2) chứa tiếng có vần là **ê** hoặc **êch**.

Trí nhớ tốt

Sơn vừa (2)..... mắt nhìn lên tấm bản đồ vừa nghe chị Hương kể chuyện Cô-lôm-bô tìm ra (1)..... Mĩ. Chị Hương say sưa kể r ồi (2)..... thức :

– Chuyện này đã xảy ra từ 500 năm trước.

Nghe vậy, Sơn bỗng (2)..... mặt ra r ồi (1)..... tr ồ:

Sao mà chị có (1)..... nhớ tốt thế ?

Trả lời:**Trí nhớ tốt**

Sơn vừa (2) **ghêch** mắt nhìn lên tấm bản đồ vừa nghe chị Hương kể chuyện Cô-lôm-bô tìm ra (1) **châu** Mĩ. Chị Hương say sưa kể r ồi (2) **kết** thức :

- Chuyện này đã xảy ra từ 500 năm trước.

Nghe vậy, Sơn bỗng (2) **ngêch** mặt ra r ồi (1) **tr ầm** tr ồ:

- Sao mà chị có (1) **trí** nhớ tốt thế ?